

# CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG GIA INTECONS

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG GIA INTECONS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA INTECONS TRADING & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110614644

3. Ngày thành lập: 26/01/2024

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1 Số 27 Ngõ 286 Phố Tây Sơn, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983844568

Fax:

Email: vuducchung72@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Mua bán trang thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                                           | 4659 |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662 |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299 |
| 13. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện pháp luật cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8559 |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng;<br>Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy<br>Thiết kế kết cấu công trình<br>Thiết kế cơ - điện công trình<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình<br>Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ<br>Thiết kế xây dựng công trình giao thông<br>Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn<br>Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều | 7110 |
| 15. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(trừ hoạt động của phòng thí nghiệm của phòng cảnh sát );                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7120 |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện pháp luật cho phép) | 7490        |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                               | 4690        |
| 19. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                        | 4784        |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                   | 4791        |
| 21. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện Phòng cháy chữa cháy                                                                                                       | 3290        |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                    | 3320        |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                          | 4101(Chính) |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                              | 4211        |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                   | 4221        |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                        | 4222        |
| 29. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                         | 4223        |
| 30. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                          | 4229        |
| 31. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                   | 4291        |
| 32. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                            | 4292        |
| 33. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                      | 4293        |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 35. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                           | 4312        |
| 37. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 38. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                       | 4752        |
| 39. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4753        |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                    | 4759        |
| 41. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                    | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 800.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐỖ XUÂN<br>TRƯỜNG | P507 – CT2 A25<br>TT Nghĩa Tân,<br>Phường Nghĩa<br>Tân, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 25,000       | 0370810026<br>31                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ THẾ<br>TRƯỜNG  | Thôn Thanh Mạc,<br>Xã Thanh Đa,<br>Huyện Phúc Thọ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 25,000       | 0010920433<br>05                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                |                           |         |               |        |              |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ THỊ THANH NGỌC | Số 83 Phú Thọ 2, Phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 400.000 | 4.000.000.000 | 50,000 | 038195007371 |
|   |                   |                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                | Tổng số                   | 400.000 | 4.000.000.000 | 50,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ XUÂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037081002631

Ngày cấp: 25/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P507 – CT2 A25 TT Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P507 – CT2 A25 TT Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội